

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN TÂN T Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH LONG AN**

Bản án số: 38/2020/DS-ST

Ngày: 26-6-2020

*“Về việc tranh chấp hợp đồng mua bán”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Năm

2. Ông Hà Minh Tấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TÂN T, tỉnh Long An

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TÂN T tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TÂN T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Đại lý Ngọc Tr**

Địa điểm kinh doanh: số 09/1/D đường Nguyễn Thị Minh K, khóm 4, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp

\* Người đại diện Hộ gia đình: bà Đỗ Thị Ngọc Tr, sinh năm: 1984

Địa chỉ: số 09/1/D đường Nguyễn Thị Minh K, khóm 4, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp

**2. Bị đơn:**

**2.1. Bà Nguyễn Thị Cẩm H**, sinh năm: 1970

**2.2. Ông Võ Văn Chu**, sinh năm: 1994

**2.3. Bà Võ Thị Mỹ D**, sinh năm: 1997

**2.4. Bà Lê Thị Ngọc H**, sinh năm: 1996

Địa chỉ: ấp Tân Chánh A, xã Nhơn Ninh, huyện TÂN T, tỉnh Long An

*(Bà Tr, bà H có mặt tại phiên tòa; ông C, bà D, bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, bà Đỗ Thị Ngọc Tr trình bày:**

Từ ngày 24/02/2019, vợ chồng bà Nguyễn Thị Cẩm H có mua thức ăn thủy sản của Đại lý Ngọc Tr do bà là người đại diện Hộ gia đình nợ số tiền 224.995.000 đồng. Khi mua thức ăn, vợ chồng bà H hứa khi nào thu hoạch cá sẽ trả hết số tiền nợ (khoảng từ 03 đến 04 tháng). Tuy nhiên, sau khi thu hoạch cá, ngày 24/5/2019 bà H chỉ trả cho bà 130.000.000 đồng. Từ ngày 29/5/2019 đến ngày 04/7/2019, bà H có mua thức ăn nợ thêm 41.335.000 đồng. Tổng cộng, số tiền bà H nợ là 136.330.000 đồng. Thời gian đầu thì do vợ chồng bà H mua thức ăn. Sau đó, chồng bà H (tên Võ Văn Đảo) chết nên các con của bà H - ông Đảo cùng thống nhất ký sổ nợ của bà. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm H cùng các con của bà H gồm ông Võ Văn Chu, bà Võ Thị Mỹ D, bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho Đại lý Ngọc Tr do bà là người đại diện số tiền nợ là 136.330.000 đồng, bà không yêu cầu trả tiền lãi.

Bà chỉ yêu cầu bà H cùng các con là ông Võ Văn Chu, bà Võ Thị Mỹ D, bà Lê Thị Ngọc H liên đới trả nợ. Bà không yêu cầu người nào khác cùng trả nợ nên không yêu cầu triệu tập người nào khác tham gia tố tụng.

**\* Bị đơn Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:**

Vào ngày 24/02/2019, gia đình bà có mua thức ăn thủy sản của Đại lý Ngọc Tr do bà Đỗ Thị Ngọc Tr là người đại diện Hộ gia đình nợ số tiền 224.995.000 đồng. Bà hứa khi nào bán cá sẽ trả tiền cho bà Tr. Tuy nhiên do bán cá thua lỗ nên ngày 24/5/2019 bà chỉ trả được 130.000.000 đồng, còn nợ

94.995.000 đồng. Sau đó, bà mua tiếp thức ăn nợ số tiền 41.335.000 đồng. Như vậy tính đến ngày 04/7/2019, bà còn nợ tổng số tiền 136.330.000 đồng. Gia đình bà đồng ý trả số tiền nợ này.

Trước đây việc mua thức ăn thủy sản là do vợ chồng bà mua. Sau đó chồng bà chết nên bà cùng các con gồm Võ Văn Chu, Võ Thị Mỹ D, Lê Thị Ngọc H ký giấy nợ. Hiện nay bà và các con đồng ý trả nợ cho Đại lý Ngọc Tr với số tiền 136.330.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

**\* Bị đơn Võ Văn Chu, Võ Thị Mỹ D, Lê Thị Ngọc H trình bày:**

Ông C, bà D là con của bà H - ông Đào (ông Đào đã chết), bà H là con dâu (bà H là vợ ông C) thống nhất số tiền mà gia đình của các ông, bà còn nợ Đại lý Ngọc Tr là 136.330.000 đồng. Các ông bà đồng ý cùng bà H trả nợ nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên gia đình ông bà xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn (Hồng) giữ nguyên lời trình bày như đã nêu trên; bị đơn (Chuẩn, Duyên, Hân) có đơn xin giải quyết vắng mặt.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:**

\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp đây là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TÂN T theo quy định tại Điều 35, Điều 39 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo khoản 1 Điều 203 BLTTDS. Các thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại chương X BLTTDS. Việc xác định tư cách đương sự trong vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Thẩm phán tiến hành lấy lời khai của đương sự thực hiện đúng theo quy định tại Điều 96, 97, 98 BLTTDS. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các Điều 94, 95, 96, 97, 109, 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS.

\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thủ tục bắt đầu phiên tòa đảm bảo theo quy định. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa đảm bảo công khai, dân chủ và được tiến hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa đảm bảo quy định tại Điều 247 BLTTDS.

\* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự:

Đối với nguyên đơn: Đơn khởi kiện thể hiện đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 189 BLTTDS, tham gia đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án, chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Đối với bị đơn: chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự có mặt đã tuân thủ nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa cơ bản chấp hành đúng theo quy định tại Điều 234 BLTTDS.

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận thấy: trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tr đã cung cấp được chứng cứ chứng minh là biên nhận mua bán giữa bà với bà H, ông C, bà D, bà Hân. Nội dung thể hiện bà H, ông C, bà D, bà H còn nợ tiền mua thức ăn thủy sản là 136.330.000 đồng. Phía bị đơn cũng thống nhất với số tiền bà Tr đưa ra nhưng xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Như vậy, căn cứ biên nhận mua bán có chữ ký bà H, ông C, bà D, bà H mà bà Tr đã cung cấp và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay nhận thấy việc mua bán trên là có thực. Việc bà Tr đã nhận số tiền 130.000.000 đồng từ bà H là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại điều 92 BLTTDS. Căn cứ giấy biên nhận nợ và sự thừa nhận của bị đơn về số tiền còn nợ là 136.330.000 đồng, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Tr về số tiền trên. Về thời hạn trả, bà H cho rằng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả mỗi tháng

1.000.000 đồng, căn cứ sự thỏa thuận giữa các bên do bà H đã vi phạm thời hạn trả nợ, bà Tr không đồng ý với thời gian trả nợ, nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp hợp đồng mua bán giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn Võ Văn Chu, Võ Thị Mỹ D, Lê Thị Ngọc H vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà D, bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Từ ngày 24/02/2019, vợ chồng bà H có mua thức ăn thủy sản của Đại lý Ngọc Tr do bà Đỗ Thị Ngọc Tr là người đại diện Hộ gia đình. Khi mua bán, vợ chồng bà H hứa sau khi bán cá sẽ hoàn trả tiền cho bà Tr. Từ ngày 24/02/2019 đến ngày 16/5/2019, bà H nợ Đại lý Ngọc Tr tổng số tiền 224.995.000 đồng. Ngày 24/5/2019, bà H có trả cho bà Tr 130.000.000 đồng, còn nợ 94.995.000 đồng. Sau đó, từ ngày 29/5/2019 đến ngày 04/7/2019, bà H mua thức ăn nợ tiếp số tiền 41.335.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 04/7/2019, bà H nợ Đại lý Ngọc Tr tổng số tiền là 136.330.000 đồng.

Trong thời gian nuôi cá thì chồng bà H là ông Võ Văn Đào chết nên bà H cùng các con của bà H - ông Đào là ông C, bà D, bà H (con dâu) cùng thống nhất ký giấy xác nhận nợ với Đại lý Ngọc Tr, xác định số tiền hiện còn nợ Đại lý Ngọc Tr là 136.330.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ này. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Xét thấy: về số tiền nợ, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 136.330.000 đồng. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất về thời gian trả nợ và phương thức trả nợ. Bị đơn xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Nguyên đơn không đồng ý đề nghị trả nợ dần của bị đơn. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về thời gian và phương thức trả nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Đại lý Ngọc Tr do bà Đỗ Thị Ngọc Tr là người đại diện Hộ gia đình về việc yêu cầu bị đơn là bà H, ông C, bà D, bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 136.330.000 đồng. Về phương thức thi hành án sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, nếu chậm trả tiền thì bà H, ông C, bà D, bà H còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn có nghĩa vụ liên đới chịu 6.816.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn là bà H, ông C, bà D, bà H có đơn xin giảm án phí được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, chồng (cha) chết, gia đình gặp sự kiện bất khả kháng nên được xem xét giảm 50% mức án phí phải nộp theo khoản 1 Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288,

khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 13, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đại lý Ngọc Tr do bà Đỗ Thị Ngọc Tr là người đại diện Hộ gia đình.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Võ Văn Chu, bà Võ Thị Mỹ D, bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho Đại lý Ngọc Tr do bà Đỗ Thị Ngọc Tr là người đại diện Hộ gia đình số tiền 136.330.000 đồng. (*Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, nếu chậm trả tiền thì bà H, ông C, bà D, bà H còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Đại lý Ngọc Tr do bà Đỗ Thị Ngọc Tr là người đại diện Hộ gia đình không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.408.250 đồng (*Ba triệu bốn trăm lẻ tám nghìn hai trăm năm mươi đồng*) theo biên lai thu số 0000877 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÂN T.

Bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Võ Văn Chu, bà Võ Thị Mỹ D, bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới chịu 3.408.250 đồng (*Ba triệu bốn trăm lẻ tám nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- VKSND huyện TÂN T;
- Chi cục THADS huyện TÂN T;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đặng Nguyễn Phương Chi***